

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PGS

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên : ☒ Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Hóa học; Chuyên ngành: Vật liệu cao phân tử và tổ hợp

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN PHẠM DUY LINH

2. Ngày tháng năm sinh: 02/02/1982; Nam ☒; Nữ ☐ Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã tân Lập, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số nhà 4, ngách 41, ngõ 203 Kim Ngưu, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Số nhà 4, ngách 41, ngõ 203 Kim Ngưu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0975755588; E-mail: linh.nguyenphamduy@hust.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm: 10/2004 đến tháng, năm: 03/2009: Giảng viên Trung tâm Nghiên cứu vật liệu Polyme, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

Từ tháng, năm: 03/2009 đến tháng, năm: 02/2012: Nghiên cứu sinh tại Trường đại học Kỹ thuật Viên, Công Hòa Áo.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HDGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HDGS nhà nước
Từ tháng, năm: 04/2012 đến tháng, năm: 06/2016: Giảng viên Trung tâm Nghiên cứu vật liệu Polyme.

Từ tháng, năm: 06/2016 đến tháng, năm: 06/2018: Giảng viên Trung tâm Nghiên cứu vật liệu Polyme, kiêm nhiệm Phó giám đốc Trung tâm Khoa học và Công nghệ Cao su, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

Từ tháng, năm: 06/2018 đến tháng, năm: 06/2020: Giảng viên Trung tâm Công nghệ Polyme Compozit và Giấy, Viện Kỹ thuật Hóa học, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội; Phó giám đốc Trung tâm.

Từ tháng, năm: 06/2020 đến nay: Giảng viên Trung tâm Công nghệ Polyme Compozit và Giấy, Viện Kỹ thuật Hóa học, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội; kiêm nhiệm Phó trưởng phòng Quản lý nghiên cứu, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

Chức vụ: Hiện nay: Phó trưởng phòng; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng phòng

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Số 1 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024 38694242

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 15 tháng 06 năm 2004; số văn bằng: 459540; ngành: Công nghệ hóa học, chuyên ngành: Công nghệ vật liệu polyme và compozit; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 09 tháng 05 năm 2007; số văn bằng: 002062; ngành: Công nghệ vật liệu hóa học; chuyên ngành: Công nghệ vật liệu polyme và compozit; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 05 tháng 03 năm 2012; số văn bằng: 46; ngành: Kỹ thuật hóa học; chuyên ngành: Vật liệu cao phân tử; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Kỹ thuật Viên, Cộng hòa Áo.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm ,
ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HDGS cơ sở: Trường Đại học Bách khoa Hà Nội (Hội đồng II: Vật lý, Luyện kim, Hóa học)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HDGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Hóa học – Công nghệ thực phẩm

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu chế tạo vật liệu polyme composít cho phát triển bền vững trên cơ sở nguồn nguyên liệu tái tạo, thân thiện môi trường và nguồn nguyên liệu tái chế.

Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu nâng cao tính chất của vật liệu cao su bằng các phụ gia nano và cao su blend.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn phụ 01 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 05 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS, 02 HVCH đã bảo vệ thành công và đang chờ nhận bằng;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 01 đề tài cấp cơ sở, 01 Nhiệm vụ khoa học công nghệ của phòng thí nghiệm trọng điểm vật liệu polyme và composít Trường ĐHBKHN và 01 đề tài cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Đã công bố 43 bài báo khoa học, trong đó 13 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp 02 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 02, trong đó, 02 sách giáo trình thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): chiến sỹ thi đua cấp cơ sở

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định).

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Hoàn thành tốt nhiệm vụ

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 17 năm

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HDGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HDGS nhà nước

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2015 - 2016				10	165	30	195/272,5/270
2	2016 – 2017		1		4	120	0	120/228/216
3	2017 – 2018		1	1	12	165	0	165/440/216
03 năm học cuối								
4	2019 - 2020		1	3	8	172,8	69	241,8/438,8/229,2
5	2020 – 2021		2		6	90	36	126/284/81
6	2021 – 2022		1		4	150	39	189/248,2/81

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: Cộng hòa Áo năm 2012

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

3.2. Tiếng Anh (văn bản, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Lê Thúy Hằng	X			X	2016 – 2021	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	10/08/2021
2	Hà Thị Hà		X	X		2013 -2015	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	10/11/2015
3	Vũ Hoài Trang		X	X		2018 - 2020	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	18/09/2020
4	Nguyễn Trung Đức		X	X		2018 - 2020	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	18/09/2020
5	Phạm Thế Long		X	X		2019 - 2021	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	17/05/2021

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Công nghệ và kỹ thuật vật liệu cao su. Quyển 1: Công nghệ cao su	GT	Nhà xuất bản Bách khoa Hà Nội, ISBN 978-604-316-023-9, 2021	3		Chương 9, 10, 11, 12, 13 Từ trang 199 đến trang 258	23/QĐ-ĐHBK-NXB
2	Công nghệ và kỹ thuật vật liệu cao su Quyển 2: Kỹ thuật vật liệu cao su	GT	Nhà xuất bản Bách khoa Hà Nội, ISBN 978-604-316-152-6, 2021	3		Chương 3, 6, 7 Từ trang 123 đến trang 166 Từ trang 243 đến trang 290	23/QĐ-ĐHBK-NXB

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: []: Không

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu tái sử dụng thủy tinh từ bóng đèn hình CRT của thiết bị điện điện tử thải trong vật liệu compozit nền nhựa polypropylen	CN	T-2015-013, Cấp Trường ĐHBKHN	Tháng 6 năm 2015 đến tháng 12 năm 2015	405/QĐ-ĐHBK-KHCN, ngày 7 tháng 12 năm 2015, Đạt
2	Nghiên cứu nâng cao độ bền dai của compozit trên nền epoxy gia cường bằng sợi thủy tinh và sợi cacbon	CN	B2014-01-75, Cấp Bộ GD&ĐT	Tháng 1 năm 2014 đến tháng 12 năm 2015	2450/QĐ-BGDĐT, ngày 21 tháng 7 năm 2017, Đạt
3	Nghiên cứu chế tạo vật liệu compound từ nhựa polypropylen và bột CaCO ₃ Yên Bái có hàm lượng bột CaCO ₃ cao và chỉ số chảy ổn định	CN	B2018-BKA-02-PTN, Nhiệm vụ khoa học công nghệ của phòng thí nghiệm trọng điểm vật liệu polyme và compozit Trường ĐHBKHN	Tháng 1 năm 2018 đến tháng 12 năm 2018	416/QĐ-ĐHBK-KHCN, ngày 3 tháng 12 năm 2018, Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Q)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Nghiên cứu chế tạo tấm MDF trên cơ sở sợi tre phế liệu và nhựa phenol-ure-fomandehit	3		Tạp chí Hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam ISSN 0866 - 7144			Tập 45 (5A), p. 104 – 110	2007
2	Application of PP-bamboo composite for preparation of attached-growth media used in waste water treatment	5		Tạp chí Hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam ISSN 0866 - 7144			Tập 45 (5A), p. 221 – 225	2007
3	Nghiên cứu chế tạo vật liệu polyme phân hủy sinh học trên cơ sở nhựa polylactic axit gia cường bằng sợi nứa (Neohouzeaua) Phần I - Đánh giá ảnh hưởng của phương pháp xử lý đến tính chất sợi nứa dùng để chế tạo vật liệu polyme phân hủy sinh học	4		Tạp chí Hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, ISSN 0866 - 7144			Tập 46 (3), p.344 – 350	2008
4	Nghiên cứu chế tạo vật liệu polyme phân hủy sinh học trên cơ sở nhựa polypropylen gia cường bằng sợi nứa	4		Tạp chí Hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, ISSN 0866 - 7144			Tập 46 (4), p.493 – 497	2008
5	Review: Research and application of bamboo and jute fibers reinforced polymer composites in Vietnam	9		Tạp chí Hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, ISSN 0866 - 7144			Tập 47 (2), p.236 – 246	2009
6	Tính chất cơ học của vật liệu polyme composít từ nhựa epoxy DER-331 gia cường bằng mat lai tạo dừa đại/thủy tinh	5		Tạp chí Hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, ISSN 0866 - 7144			Tập 47 (3), p.355 – 362	2009

7	Tính chất của sợi dừa đại (sisal) Việt Nam	6		Tạp chí Hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, ISSN 0866 - 7144			Tập 47 (1), p.85 – 89	2009
II	Sau khi được công nhận TS							
8	Functionalization of high density polyethylene by reactive extrusion	2	X	Tạp chí Hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, ISSN 0866 - 7144			Tập 50 (6A), p.186 - 195	2012
9	Preparation and characterization of NR/EPDM blend. Part 1. Effect of mixing procedures on curatives distribution and migration	6		Tạp chí Hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, ISSN 0866 - 7144			Tập 52 (5), p.596 – 601	2014
10	Nghiên cứu ảnh hưởng của sự dịch chuyển các chất lưu hóa đến quá trình lưu hóa blend cao su tự nhiên-cao su EPDM (CSTN/EPDM) . Phần 1. Ảnh hưởng của chất xúc tiến đến quá trình lưu hóa	5		Tạp chí Hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, ISSN 0866 - 7144			Tập 53 (6), p.740 – 743	2015
11	Effect of nanoclay on thermal, mechanical and liquid absorption properties of epoxy-clay nanocomposite	4		Tạp chí Hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, ISSN 0866 - 7144			Tập 53 (5), p.564 – 569	2015
12	Độ bền dai tách lớp và tính chất cơ học của vật liệu polymer compozit trên cơ sở nhựa epoxy Epikote 828/OELO gia cường sợi cacbon, đóng rắn bằng xyanetyldietylentriamin.	5		Tạp chí Hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, ISSN 0866 - 7144			Tập 53 (6), p.760 – 765	2015
13	Nghiên cứu ảnh hưởng của sự dịch chuyển các chất lưu hóa đến quá trình lưu hóa blend cao su tự nhiên-cao su EPDM (CSTN/EPDM). Phần 2. Ảnh hưởng của quá trình hỗn luyện đến sự phân bố lại các chất xúc tiến.	5		Tạp chí Hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, ISSN 0866 - 7144			Tập 54 (1), p.77 – 81	2016

14	Ảnh hưởng của cao su butadiennitril có nhóm cacboxyl cuối mạch đến tính chất cơ học và hệ số tập trung ứng suất tới hạn KIC của vật liệu epoxy	5	X	Tạp chí Hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, ISSN 0866 - 7144			Tập 54 (6e1), p.78 – 82	2016
15	Nghiên cứu chế tạo vật liệu compozit bằng phương pháp chuyển nhựa vào khuôn có hỗ trợ chân không	5		Tạp chí Hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, ISSN 0866 - 7144			Tập 54 (5), p.640 – 643	2016
16	Natural rubber nanocomposite	4		Tạp chí Hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, ISSN 0866 - 7144			Tập 55 (6), p.663 – 678	2017
17	The effect of leather fibers on vulcanization behavior of natural rubber	3		Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam ISSN 0866-708x			Tập 55 (1B), p.85 – 90	2017
18	A New Approach of Fabricating Graphene Nanoplates@Natural Rubber Latex Composite and Its Characteristics and Mechanical Properties	8		Journal of Carbon research, doi:10.3390/c4030050	X		Vol 4, 50, p. 1 -11	2018
19	Nghiên cứu chế tạo vật liệu compozit từ nhựa polypropylen (PE) gia cường bằng sợi nứa (Neohouzeaua dullooa) đơn hướng	5		Tạp chí Hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, ISSN: 0866 - 7144			Tập 56 (3), p.307 – 311	2018
20	Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của kích thước xơ dệt đến tính chất của vật liệu polyme compozit nền cao su nitril butadien	3	X	Tạp chí Hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, ISSN: 0866 - 7144			Tập 57 (6E1,2), p.146 – 150	2019
21	Nghiên cứu nâng cao tính chất cơ học và bám dính với màng polyester của blend cao su EPDM/CIIR	7		Tạp chí Hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, ISSN: 0866 - 7144			Tập 57 (6E1,2), p.45 – 49	2019
22	Formation of an in situ nanosilica nanomatrix via graft copolymerization of	5		Polymers for Advanced	Q1, IF 3,665		Polym Adv Techno	2019

	vinyltriethoxysilane onto natural rubber			Technologies, Wiley ISSN 1099-1581 DOI: 10.1002/pat.4785 - 1581			l. 2019;1 -10.	
23	Nghiên cứu ảnh hưởng của phương pháp gia công và hàm lượng xơ da đến tính chất vật liệu composit nền nhựa epoxy	3		Tạp chí khoa học công nghệ các trường Đại học và kỹ thuật ISSN 2734-9381			Tập 133 (2019), p.34 – 38	2019
24	Study on Structure and Physico-chemical Properties of Surficial Epoxidized Deproteinized Natural Rubber/silica blend	4		Tạp chí khoa học công nghệ các trường Đại học và kỹ thuật ISSN 2734-9381			Tập 133 (2019), p.28 – 32	2019
25	Nghiên cứu khả năng sử dụng xơ da thuộc để chế tạo vật liệu composit nền nhựa epoxy	4		Tạp chí khoa học công nghệ các trường Đại học và kỹ thuật ISSN 2734-9381			Tập 132 (2019), p.81 – 86	2019
26	Nghiên cứu chế tạo một số blend cao su đi từ EPDM	5	X	Tạp chí Hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, ISSN 0866 - 7144			Tập 57 (6E1,2), p.31 – 35	2019
27	Nghiên cứu ứng dụng cao su tự nhiên epoxy hóa (ENR) làm chất trợ tương hợp cho blend cao su NR/CIIR	4		Tạp chí Hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam ISSN 0866 - 7144			Tập 57 (6E1), p.36 – 39	2019
28	Detailed Study on the Mechanical Properties and Activation Energy of Natural Rubber/Chloroprene Rubber Blends during Aging Processes	5	X	Journal of Chemistry, Hidawi ISSN 2090-9071 https://doi.org/10.1155/2020/7064934	Q2, IF 2.506		Vol 2020, p.1 -7	2020
29	Preparation and characterization of vinyltriethoxysilane grafted natural rubber/epoxidized natural rubber blend	3		Tạp chí Hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam ISSN: 0866 - 7144			Tập 58 (5E12), p.355 - 359	2020
30	Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của hàm lượng xơ dệt đến tính chất của vật liệu	3	X	Tạp chí Hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam			Tập 58 (5E12), p.230 - 234	2020

	polyme compozit nền cao su acrylonitril butadien			ISSN 0866 - 7144				
31	Study the Influence of Processing Oil on the Physical Mechanical and Adhesion Properties of Ethylene Propylene Diene Monomer/Chlorobutyl blend to polyester fabric	5		Key Engineering Materials, Trans Tech Publications Ltd, Switzerland ISSN 1662-9795	Q4, IF 0,4		Vol. 861, p.145 – 153	2020
32	Preparation of Electromagnetic Shielding Coating Based on Natural Rubber	8		Materials Transactions, The Japan Institute of Metals and Materials ISSN 1345-9678 doi:10.2320/matertrans.MT-MN2019010	Q2, IF 1,238		Vol.61, 8 (2020), p.1544 – 1549	2020
33	Preparation and investigation of the mechanical and thermal properties of styrene butadiene rubber using dicumyl peroxide as curing agent	6		VNU Journal of Science: Natural Sciences and Technology, Trường Đại học Quốc Gia ISSN 2615-9317			Tập 36, 2 (2020), p.91 – 97	2020
34	Preparation and Properties of Nanocomposite from NR and Natural Na ⁺ -Montmorillonite	5		Rubber Chemistry and Technology, ACS ISSN 0035-9475 https://doi.org/10.5254/rect.20.80408	Q2, IF 1,924		Vol. 93 (2), p.286 – 296	2020
35	Nghiên cứu tính chất cơ lý của vật liệu graphen đa lớp/cao su thiên nhiên compozit	6		Tạp chí Hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam ISSN 0866 - 7144			Tập 58(5E1 2), p.282 – 285	2020
36	Optimizing content of Pyrovatex CP New and Knittex FFRC in flame retardant treatment for cotton fabric	3		Industria Textila ISSN 1222-5347 DOI: 10.35530/IT.072.03.1648	Q3, IF 0.784		Vol. 72, 3, p.315 – 323	2021
37	EPDM/SBR Blends for Skim Compound of Steel Cord Conveyor Belt: Mechanical Properties, Thermal Stability and Adhesion Level	4		Key Engineering Materials, Trans Tech Publications Ltd, Switzerland ISSN 1662-9795 https://doi.org/10.4028/www.scientific.net/KEM.889.135	Q4, IF 0,4		Vol.88 9, p.135 - 143	2021

38	Chế tạo màng xúc tác quang trên cơ sở cao su thiên nhiên với titan đioxit và zeolit A ứng dụng trong xử lý xanh metylen	4		Tạp chí khoa học công nghệ các trường Đại học và kỹ thuật ISSN 2734-9381			Tập 1 (1), p.16 – 20	2021
39	Utilization of Leather Waste Fibers in Polymer Matrix Composites Based on Acrylonitrile-Butadiene Rubber	7	X	Polymers ISSN 2073-4360 https://doi.org/10.3390/polym13010117	Q1, IF 4,25		Vol.13, 117, p.1-11	2021
40	Effect of Accelerators on Properties of Polymer Composite Material Based on Acrylonitrile Butadiene Rubber and Waste Leather Fibers	5	X	Proceedings of the International Conference on Advanced Mechanical Engineering, Automation, and Sustainable Development 2021 (AMAS2021) ISBN 978-3-030-99666-6 https://doi.org/10.1007/978-3-030-99666-6_83	X		Chapter 83	2022
41	Prediction of tensile strength of combine aged natural rubber/chloroprene rubber (NR/CR) blends using experimental statistical model	6	X	Vietnam J. Chemistry Wiley Online Library ISSN 2572-8288 DOI: 10.1002/vjch.202100134	ESCI, Q4		Vol.60 (2), p206 – 210	2022
42	Design, Synthesis and In vitro Cytotoxic Evaluation of Novel Hybrids of Artemisinin and Quinazolinone	8		Letters in Organic Chemistry DOI: 10.2174/1570178618666211001115131	Q4, IF 0,867		Vol. 19, 7, p.558 - 569	2022
43	Dioctyl Phthalate-Modified Graphene Nanoplatelets: An Effective Additive for Enhanced Mechanical Properties of Natural Rubber	6	X	Polymers ISSN 2073-4360 DOI: https://doi.org/10.3390/polym14132541	Q1, IF 4,25		Vol 14 (13), 2541, p. 1 - 11	2022

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà U.V là tác giả chính sau TS: 05 công trình khoa học (bao gồm bài báo số 28, 39, 40, 41, 43)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1	Giá thể vi sinh dùng để xử lý nước thải	Cục sở hữu trí tuệ	22/03/2016	Đồng tác giả	5
2	Quy trình sản xuất vật liệu cao su chịu nhiệt và bền kiềm	Cục sở hữu trí tuệ	14/01/2022	Đồng tác giả	9

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: Không

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

Tham gia xây dựng đề cương các học phần Hóa học polyme silicon, Công nghệ hóa học polyme blend, Đồ án chuyên ngành kỹ sư polyme.

Tham gia xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành polyme compozit cho chương trình cử nhân-thạc sỹ chuyên ngành polyme compozit.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: Không

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Phạm Duy Linh